

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HANKE VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HANKE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM HANKE ENGINEERING TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETNAM HANKE CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400943267

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Mi Điện 2, Thị Trấn Nénh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0387677790

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                         | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                           | 4390        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                               | 4659        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                       | 4663        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty được phép kinh doanh, xuất nhập khẩu | 8299        |
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                           | 7110        |
| 9.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                | 7120        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: -Hoạt động trang trí nội thất                                                                                     | 7410        |
| 11. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                             | 4690        |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                              | 7730        |
| 13. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                       | 3320(Chính) |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                             | 4101        |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                       | 4102        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                 | 4211        |
| 17. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                  | 4212        |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                      | 4221        |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                           | 4222        |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                            | 4223        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                             | 4229        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4299        |
| 23. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; Hoạt động rà phá bom, mìn)                                                                                               | 4311        |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                             | 4312        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                         | 4321        |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

Một trăm triệu đồng

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **LÊ VĂN TRỌNG** Giới tính: **Nam**  
Chức danh: **Giám đốc**  
Sinh ngày: **12/07/1992** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **024092001185**  
Ngày cấp: **11/04/2021** Nơi cấp: **Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội**  
Địa chỉ thường trú: **Tiên La, Xã Đức Giang, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**  
Địa chỉ liên lạc: **Tiên La, Xã Đức Giang, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang